TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THĂNG BÌNH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2022/HNGĐ
Ngày 21/4/2022
Về việc: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trường
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
1. Bà Trần Thị Xuân Tiên
2. Ông Vũ Thái Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 283/2021/TLST-HN ngày 03/11/2021 về việc: "Xin ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/HNGĐ-TA ngày 01/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D - Sinh năm: 1993 (Có mặt).
Trú tại: Tổ 19, thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn Hoài T - sinh năm: 1988 (vắng mặt không có lý do).
Trú tại: Tổ 19, thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Tôi và ông Dương Văn Hoài T tự tìm hiểu và kết hôn vào ngày 19/11/2015, có đăng ký tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẩn, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, bản thân ông T nghiện ma túy, sống không có trách nhiệm với vợ con. Nay tôi thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên mong Tòa cho tôi được ly hôn với ông Dương Văn Hoài T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Nhật N – sinh ngày 24/4/2016. Nguyện vọng của tôi xin nuôi con, tôi không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện không có nợ chung.

** Bị đơn ông Dương Văn Hoài T trình bày tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải:* Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn tôi đồng ý với lời trình bày của bà D. Nay tôi còn thương vợ mong Tòa cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Nhật N – sinh ngày 24/4/2016. Nguyện vọng của tôi vợ chồng cùng có trách nhiệm nuôi con. Nếu ly hôn tôi xin nuôi con và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện không có nợ chung.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Đối với ông Dương Văn Hoài T không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D. Xử cho bà Nguyễn Thị D và ông Dương Văn Hoài T ly hôn.

Về con chung: Xử giao cho bà Nguyễn Thị D nuôi con chung Dương Nhật N – sinh ngày 24/4/2016 đến 18 tuổi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn ông Dương Văn Hoài T cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Dương Văn Hoài T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị D và ông Dương Văn Hoài T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào ngày 19/11/2015, có đăng ký tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm và cách sống, ông T nghiện ma túy sống không có trách nhiệm với vợ con. Nay bà D thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên xin được ly hôn với ông Dương Văn Hoài T.Về phía ông T thì thấy sai trái, xin khắc phục sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ. Xét việc xin ly hôn của bà D và yêu cầu xin đoàn tụ của ông T thì thấy: Mặc dù mâu thuẫn của ông bà đã được hai bên gia đình khuyên bảo, can ngăn nhưng ông bà không thể khắc phục được sai lầm của mình. Tòa án đã tiến hành hòa giải, phân tích giải thích những mâu thuẫn của hai vợ chồng để hai vợ chồng hàn gắn đoàn tụ với nhau. Sau khi Tòa án hòa giải lần thứ nhất thì ông T không hợp tác cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Ông T yêu cầu xin đoàn tụ nhưng không có thiện chí, mâu thuẫn vợ chồng bà D và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc bà D xin ly hôn là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của ông Dương Văn Hoài T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Dương Văn Hoài T có 01 con chung tên Dương Nhật N – sinh ngày 24/4/2016. Nguyện vọng của bà D xin nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của ông T mong vợ chồng đoàn tụ làm ăn nuôi con, nếu ly hôn ông T xin nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi con là trách nhiệm của cả mẹ và cha, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc phải đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung. Theo các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thì bà D có công việc làm ổn định, mức thu nhập đảm bảo để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, ông T nghiện ma túy, coi thường pháp luật, không có thiện chí hợp tác với tòa để giải quyết vụ án. Do đó, bà D có nguyện vọng xin nuôi con là có căn cứ, đúng pháp luật nên xử giao con chung Dương Nhật N – sinh ngày 24/4/2016 cho bà Nguyễn Thị D nuôi dưỡng đến 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật HN&GĐ Việt Nam.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Dương Văn Hoài T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Án phí LHST: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng y)* xét buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng bà D đã nộp theo biên lai thu số 0005601 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D. Xử cho bà Nguyễn Thị D và ông Dương Văn Hoài T ly hôn.

2/ Về con chung: Xử giao cho bà Nguyễn Thị D nuôi con chung Dương Nhật N – sinh ngày 24/4/2016 đến 18 tuổi trưởng thành

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Dương Văn Hoài T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Dương Văn Hoài T tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh nên Hội đồng xét xử không xét.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Dương Văn Hoài T khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

5/ Án phí LHST: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng y)* xét buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng bà D đã nộp theo biên lai thu số 0005601 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam.
- VKSND huyện Thăng Bình.
- THADS huyện Thăng Bình.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND Xã B.
- Lưu hồ sơ.